TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1020/2025/DS-PT
Ngày: 27/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3645/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 13240/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1979; địa chỉ: số B, tổ D, khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: số A, đường C, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: phòng A, tầng B, Chung cư A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); có mặt.

2. Bà Cao Thị Kim L1, sinh năm 1978; địa chỉ: số D, đường D, khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1976; địa chỉ: số B, đường P, khu F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Đặng Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2025, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Ngày 14/10/2022, bà Đặng Thị Thanh T chủ động nhắn tin qua Zalo cho bà Nguyễn Thị Tuyết M để hỏi vay số tiền 600.000.000 đồng, thời gian mượn: 3 tháng, mục đích mượn: Cho em họ nhập hàng xuất khẩu.

Bà M đã chuyển tiền theo thông tin như sau:

Người nhận: Đặng Thị Thanh T, số tài khoản: 1100047302 tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh B.

Nội dung chuyển khoản: Nguyễn Thị Tuyết M chuyển khoản.

Đến hạn trả nợ ngày 31/01/2024, bà M đã nhắc nợ bà T nhiều lần. Bà T đã trả cho bà M các khoản tiền sau:

Ngày 17/6/2024: số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 13/7/2024: số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 27/12/2024: số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 02/01/2025: số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2025: số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T đã trả cho bà M: 110.000.000 đồng.

Số tiền gốc còn lại: 490.000.000 đồng.

Bà M khởi kiện, yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 490.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Đặng Thị Thanh T trình bày:

Bà T cho rằng bà Nguyễn Thị Tuyết M là người chủ động đề nghị cho vay. Cụ thể:

Ngày 28/12/2021, bà M nhắn tin qua Zalo: "Chị ơi, em có 200tr, có ai cần thì hú em nhé."

Ngày 18/01/2022, bà M tiếp tục nhắn: "Chị ơi, em có 1 tỷ, có gì chị hú em với nhé."

Theo bà T, kể từ đó, mỗi khi có bên thứ ba cần tiền, bà T đều liên lạc với bà M qua Zalo để hỏi bà M có muốn tham gia hay không, và hầu hết các giao dịch

bà M đều tự nguyện đồng ý. Bà T khẳng định, trong tất cả các lần giao dịch, bà M hoàn toàn biết rằng tiền được chuyển cho bên thứ ba.

Một số tin nhắn khác được bà T viện dẫn:

Ngày 19/8/2022, bà M nhắn: "Alo, em có 100tr, có gì hú em nhé." Bà T trả lời: "Có chị kêu."

Ngày 29/8/2022, bà M nhắn: "Em đang có 200tr, có gì hú em với."

Bà T trình bày rằng bên thứ ba trong các giao dịch này là bà Đinh Thị L, và bà L đều đã trả tiền lãi cho bà Mai S khi kết thúc các giao dịch.

Về khoản vay 600.000.000 đồng, ngày 01/11/2022, bà T nhắn tin cho bà M: "Còn món 600 (sáu trăm triệu) tới ngày 6/11 họ sẽ trả mà họ muốn mượn nữa, em chơi không?", bà M đã nhắn lại: "Chơi à." Do đó, bà M đã đồng ý cho bên thứ ba vay tiếp khoản tiền này để nhận lãi cho đến ngày 17/4/2023 thì bên thứ ba (bà L) gặp sự cố về tài chính.

Ngày 22/7/2023, theo yêu cầu của bà M, bà T đã viết một giấy xác nhận nợ với nội dung có mượn của bà M 600.000.000 đồng và bà L1 500.000.000 đồng. Giấy xác nhận cũng ghi rõ bên nhận tiền là bà C và bà L. Các bên đã thống nhất hai phương án trả nợ trước ngày 31/01/2024: trả bằng tiền mặt hoặc sang tên sổ đỏ. Tuy nhiên, khi làm việc trực tiếp, bà L không thống nhất được phương án nào do đang gặp khó khăn.

Ngày 01/10/2023 (ghi nhầm trong giấy tờ là 01/10/2022), bà L đã viết một giấy xác nhận nợ trực tiếp với bà M và bà L1. Nội dung xác nhận bà L nợ bà M 600.000.000 đồng, nợ bà L1 500.000.000 đồng và hẹn đến ngày 04/02/2024 sẽ trả. Nếu không trả được, bà L sẽ làm thủ tục sang tên sổ đỏ cho bà M và bà L1 (chi tiết sổ: số DI456039, diện tích 100,9m², tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai). Giấy xác nhận này do bà L viết, bà T ký tên làm chứng, bản chính do bà M và bà L1 giữ.

Ngày 23/5/2024, bà Liên tiếp T1 viết giấy xin gia hạn nợ, cam kết sẽ trả dần và trả hết trước ngày 15/3/2026. Bà T cũng ký tên chứng kiến sự việc này.

Mặc dù bà L đã xác nhận nợ trực tiếp, nhưng trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2024 đến 24/01/2025, do bà M nói gia đình có người bệnh cần tiền, bà T đã chuyển cho bà M 05 lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng.

Đến ngày 14/02/2025, bà M khởi kiện bà T yêu cầu trả số tiền là 495.000.000 đồng. Bà T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Cao Thị Kim L1 trình bày:

Bà L1 xác nhận Giấy vay tiền ngày 22/7/2023 có nội dung thể hiện việc bà cho bà Đặng Thị Thanh T vay số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hiện nay bận việc không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa, bà L1 không đưa ra yêu cầu độc lập trong vụ án này. Bà L1 cho biết sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác để đòi quyền lợi của mình khi có điều kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đinh Thị L trình bày:

Bà L trình bày rằng ban đầu bà không quen biết bà Nguyễn Thị Tuyết M hay bà Đặng Thị Thanh T. Bà chỉ biết đến hai người này sau khi các giao dịch đã diễn ra và xảy ra tranh chấp.

Bà L thừa nhận khoản tiền 600.000.000 đồng mà bà M đang khởi kiện bà T chính là khoản tiền bà đã vay của bà M. Tuy nhiên, bà không nhận tiền trực tiếp từ bà M mà nhận thông qua bà T. Bà khẳng định giữa ba bên (bà L, bà M và bà T) không có thỏa thuận tay ba về việc bà L sẽ chịu trách nhiệm trả nợ trực tiếp cho bà M, và giữa bà L với bà M cũng không có giấy vay tiền riêng. Giấy tờ vay nợ (cụ thể là Giấy mượn tiền ngày 22/7/2023) được lập giữa bà T và bà M.

Do không có khả năng trả nợ, bà L đã viết các giấy tờ sau để xác nhận nợ với bà M:

Giấy xác nhận nợ ngày 01/10/2022: Bà L xác nhận ngày tháng trên giấy này bị ghi nhầm, đúng ra phải là ngày 01/10/2023.

Giấy xin gia hạn ngày 23/5/2024: Bà L viết giấy xin gia hạn trả tiền cho bà M.

Bà cho biết bản chính của các giấy tờ này đều do bà M giữ. Bà M đã chụp ảnh lại và gửi cho bà L qua tin nhắn Zalo.

Về nội dung Giấy mượn tiền ngày 22/7/2023, bà L giải thích rằng có thỏa thuận bà sẽ sang tên sổ đất để cấn trừ nợ cho bà L1 và bà M vì bà là người thực nhận tiền. Tuy nhiên, giấy này không ghi rõ thông tin về thửa đất và cũng không có chữ ký của bà M.

Bà L xác nhận việc bà T đã thay mình trả cho bà M 110.000.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2024 đến 24/01/2025, số nợ gốc còn lại là 490.000.000 đồng. Cuối cùng, bà L đồng ý nhận trách nhiệm trả cho bà M khoản nợ mà bà M đang khởi kiện bà T. Bà L không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Ông Nguyễn Thanh P là chồng của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Ông P cho biết ông không quen biết bà Đặng Thị Thanh T và bà Đinh Thị L. Ông trình bày, vào năm 2021, ông có đưa cho bà M 02 cây vàng và 300.000.000 đồng để lo việc gia đình và đóng học phí cho con. Tuy nhiên, vào năm 2022, bà M đã tự ý bán số vàng trên và sử dụng toàn bộ số tiền đó để cho bà T vay 600.000.000 đồng mà không có sự đồng ý hay bàn bạc với ông.

Sau này, khi nghe thông tin và tìm hiểu, ông P mới biết sự việc bà M cho vay nhưng không được trả nợ, dẫn đến việc phải khởi kiện tại Tòa án. Ông P khẳng định đây là tài sản chung của vợ chồng do được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, ông P yêu cầu Tòa án khi giải quyết vụ án, nếu buộc bà T hoặc bà L phải trả nợ thì phải tuyên trả cho cả hai vợ chồng là ông P và bà M.

Ông P thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M và không có yêu cầu độc lập nào khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 142/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Nguyễn Thị Tuyết M đối với bị đơn - bà Đặng Thị Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Đặng Thị Thanh T trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày hôm sau của ngày xử) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút đối với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả theo đơn khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2025 bị đơn bà Đặng Thị Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Kim L1, ông Nguyễn Thanh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là có căn cứ.

[3] Các đương sự là bà M, bà T và bà L đều thừa nhận các tình tiết sau: bà M đã chuyển khoản cho bà T số tiền 600.000.000 đồng; sau đó, bà T đã chuyển số tiền này cho bà L. Các bên cũng xác nhận bà T đã trả cho bà M tổng cộng 110.000.000 đồng, và giữa bà M và bà T có lập Giấy mượn tiền ngày 22/7/2023 với chữ ký của cả hai.

[4] Về việc xác định người có nghĩa vụ trả nợ, các đương sự không thống nhất. Nguyên đơn bà M xác định đây là giao dịch cho vay giữa bà và bị đơn bà T. Ngược lại, bà T và bà L cho rằng người vay thực sự là bà L, do đó bà L phải là người chịu trách nhiệm trả nợ. Tại phiên tòa, bà L cũng đã tự nguyện thừa nhận và đồng ý nhận trách nhiệm trả khoản nợ còn lại theo yêu cầu khởi kiện của bà M.

[5] Xét về nghĩa vụ trả nợ: Các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện rằng bà T là người trực tiếp nhận tiền từ bà M và là người ký tên trên giấy nhận nợ ngày 22/7/2023. Mặc dù, bà T cho rằng bà L mới là người vay thực sự và đã đưa ra các tin nhắn cùng lời xác nhận của bà L làm bằng chứng, nhưng những điều này không làm thay đổi bản chất pháp lý của giao dịch ban đầu. Nguyên đơn bà M không đồng ý với việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà T sang cho bà L. Đồng thời, bà T cũng không chứng minh được sự thỏa thuận ba bên, trong đó bà M chấp thuận cho bà L trở thành người có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp cho bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà M là có căn cứ và đúng pháp luật. Bà T có quyền khởi kiện bà L bằng một vụ án dân sự khác để yêu cầu hoàn trả số tiền 600.000.000 đồng mà bà đã chuyển cho bà L.

[6] Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Thanh T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004243 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (16), 86.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Vương